

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2022-2023
MÔN: SINH LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

- ❖ **HÌNH THỨC:** trắc nghiệm
- ❖ **SỐ CÂU HỎI:** 40 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn - 0,25 điểm/câu
- ❖ **CẤU TRÚC ĐỀ**

STT	Đơn vị kiến thức	Câu hỏi theo mức độ nhận thức				Số câu	TỔNG ĐIỂM
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao		
1	Bằng chứng tiến hóa	2	1	1		4	1.0
2	Học thuyết tiến hóa của Dacuyn	2	1			3	0.75
3	Học thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại	6	4	4	2	16	4
4	Loài	2	2	1	1	6	1.5
5	Quá trình hình thành loài	3	2	2	1	8	2.0
6	Nguồn gốc - Sự phát sinh và phát triển của sự sống trên Trái Đất	1	2			3	0.75
Số câu		16	12	8	4	40	
TỔNG ĐIỂM		4	3	2	1		10

❖ **MA TRẬN ĐẶC TẢ**

Nội dung	Chuẩn kiến thức kĩ năng cần kiểm tra	Câu hỏi theo mức độ nhận thức				TỔNG
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
Bằng chứng tiến hóa	Nhận biết - Trình bày được các bằng chứng giải phẫu so sánh: cơ quan tương đồng, cơ quan tương tự, các cơ quan thoái hoá. - Trình bày những bằng chứng tế bào học và sinh học phân tử: ý nghĩa của thuyết cấu tạo bằng tế bào; sự thống nhất trong cấu trúc của ADN và prôtêin của các loài. Thông hiểu - Phân biệt được cơ quan tương đồng, cơ quan tương tự, cơ quan thoái hoá. - Phân biệt được bằng chứng trực tiếp và bằng chứng gián tiếp.	2	1	1		4

	- Trình bày được nguồn gốc chung của sinh giới qua học thuyết tế bào, bằng chứng sinh học phân tử. - Thông qua các ví dụ, nhận biết được loại bằng chứng tiến hóa. Vận dụng - Xác định được các mối quan hệ họ hàng qua phân tích ví dụ cụ thể về bằng chứng tiến hoá. - Phân tích được bằng chứng sinh học phân tử và sinh học tế bào. - Giải thích được nguồn gốc chung của sinh giới.					
Học thuyết tiến hóa của Đacuyn	Nhận biết - Nêu được nguồn nguyên liệu, động lực, cơ chế, kết quả của chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo. Thông hiểu - Phân biệt được chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo. - Trình bày được cơ chế hình thành đặc điểm thích nghi theo Đacuyn. - Hiểu được hạn chế của Đacuyn.	2	1			3
Học thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại	Nhận biết - Nêu khái niệm tiến hóa nhỏ, tiến hóa lớn. - Nhận biết được nguồn biến dị di truyền của quần thể. - Nêu được khái niệm nhân tố tiến hóa - Liệt kê được các nhân tố tiến hoá. - Nêu được vai trò của CLTN là sàng lọc và làm tăng số lượng cá thể có kiểu hình thích nghi tồn tại sẵn trong quần thể. - Liệt kê được các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ hình thành quần thể thích nghi. Thông hiểu - Phân biệt được tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn. - Phân biệt được nguồn biến dị sơ cấp và nguồn biến dị thứ cấp. - Xác định được nguồn nguyên liệu chủ yếu cho tiến hóa (nguồn nguyên liệu sơ cấp) - Trình bày được vai trò và tác động của đột biến gen, di - nhập gen, biến động di truyền , CLTN với tiến hóa nhỏ. - Phân biệt được tốc độ thay đổi tần số alen trội và lặn của chọn lọc tự nhiên. - Phân biệt được thuyết tiến hóa của Đacuyn với thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại. - Hiểu được chiều hướng tiến hóa theo thuyết tiến hoá tổng hợp.	6	4	4	2	16

	Vận dụng - Giải thích ảnh hưởng của từng nhân tố tiến hóa đến vốn gen quần thể (thay đổi tần số alen, tần số kiểu gen, làm nghèo/phong phú vốn gen....). - Giải thích vì sao quá trình giao phối ngẫu nhiên không phải là nhân tố tiến hóa. - Giải thích tại sao chọn lọc tự nhiên làm thay đổi tần số alen của quần thể vi khuẩn nhanh hơn so với ở quần thể sinh vật nhân thực lưỡng bội. - Giải thích được tại sao những quần thể có kích thước nhỏ bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các nhân tố tiến hóa. - Câu hỏi nhiều nhận định, mức độ thấp. Vận dụng cao - Câu hỏi tổng hợp/ câu hỏi nhiều nhận định mức độ cao.					
Loài	Nhận biết - Khái niệm loài sinh học. - Nêu được các tiêu chuẩn phân biệt 2 loài thân thuộc. - Nhận biết được các cơ chế cách li trước hợp tử, cách li sau hợp tử. Thông hiểu - Hiểu được các tiêu chuẩn phân biệt 2 loài: tiêu chuẩn nào để phân biệt vi khuẩn, tiêu chuẩn thông dụng, tiêu chuẩn quan trọng nhất. - Phân biệt được cơ chế cách li trước hợp tử và sau hợp tử. - Phân biệt được các hình thức cách li trước hợp tử. - Phân biệt được các hình thức cách li sau hợp tử. Vận dụng - Nhận biết được các hình thức cách ly thông qua các ví dụ. - Câu hỏi nhiều nhận định ở mức độ thấp Vận dụng cao - Câu hỏi nhiều nhận định ở mức độ cao	2	2	1	1	6
Quá trình hình thành loài	Nhận biết - Liệt kê các con đường hình thành loài. - Nêu được quá trình hình thành loài mới theo các con đường địa lí, tập tính, sinh thái, lai xa và đa bội hóa. Thông hiểu - Phân biệt các cơ chế cách li. - Phân biệt các dạng cách li thông qua các ví	3	2	2	1	8

	dụ - Xác định được vai trò của cơ chế cách li. - Xác định được vai trò của cách li sinh sản trong quá trình hình thành loài. - Xác định được vai trò của cách li địa lí trong hình thành loài. - Phân biệt các kiểu hình thành loài cùng khu vực địa lí. - Xác định được thực chất của quá trình hình thành loài và các đặc điểm hình thành loài mới theo các con đường địa lí, sinh thái, tập tính, lai xa và đa bội hoá. - Xác định được cơ chế hình thành loài bằng con đường lai xa và đa bội hoá. Vận dụng Nhận biết được các hình thức hình thành loài mới thông qua các ví dụ. Vận dụng cao Câu hỏi tổng hợp, nhiều nhận định ở mức độ cao.					
Nguồn gốc - Sự phát sinh và phát triển của sự sống trên Trái Đất	Nhận biết - Nhớ tên và thứ tự các giai đoạn chính về quá trình tiến hóa của sự sống trên Trái Đất: Tiến hóa hóa học, tiến hóa tiền sinh học, và tiến hóa sinh học. Thông hiểu - Xác định được kết quả của giai đoạn học tiến hoá hoá học và tiến hoá tiền sinh, tiến hóa sinh học. - Liệt kê được tên các đại địa chất điển hình và sinh vật điển hình trong các đại địa chất. - Hiểu được vai trò của hóa thạch trong nghiên cứu lịch sử phát triển của sinh giới.	1	2			3
		16	12	8	4	40